

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2019/HS-PT

Ngày: 22-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: Bà **Lê Thúy Cầu**

Ông **Nguyễn C**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 117/2019/TLPT-HS ngày 19 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo **Trần Đình V** và **Nguyễn Văn C** về tội: “*Buôn lậu*”. Do có kháng cáo của bị cáo Trần Đình V và Nguyễn Văn C, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HS-ST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

1. Họ và tên: **Trần Đình V**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 08/10/1986 tại Hà Nội; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Tp. Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án, tiền sự: Chưa; Cha: Trần Đình P (SN: 1944) và Mẹ: Nguyễn Thanh V (SN: 1954); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai, có vợ Trần Bích H và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/10/2017. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn C**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 16/02/1988 tại Hà Nội; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Tp. Hà Nội; Quốc tịch:

Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12 (cử nhân Đại học); Tiền án, tiền sự: Chưa; Cha: Nguyễn Văn S (SN: 1950) và Mẹ: Nguyễn Thị H (SN: 1954); Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai, chưa có vợ con. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/09/2017. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho các bị cáo:*

- Luật sư **Phạm X T** - Văn phòng luật sư P, Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo **Trần Đình V** theo yêu cầu của Tòa án. Vắng mặt.

- Luật sư **Nguyễn Tiến T** - Văn phòng luật sư L, Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Văn C** theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt tại phiên tòa.

(Ngoài ra trong vụ án còn có 12 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; 03 người làm chứng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhằm mục đích nhập lậu điện thoại di động từ Hồng Kông, Trung Quốc về Việt Nam tiêu thụ kiếm lời, nên vào khoảng tháng 8/2017 Trần Đình V đến Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hà Nội để tìm hiểu cách thức thành lập doanh nghiệp. Tại đây, V gặp và thuê một người tên H (không rõ lai lịch, địa chỉ, giới thiệu là "Cò" đăng ký doanh nghiệp) để thành lập doanh nghiệp có chức năng nhập khẩu với giá 05 triệu đồng. Về tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là do H tự chọn để đăng ký thành lập. Sau đó vài ngày, H gặp và đưa V một giấy phép đăng ký doanh nghiệp, một con dấu tròn của Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh thương mại và dịch vụ T (gọi tắt là Công ty T) với tên người đại diện theo pháp luật của Công ty là Lê Văn M, sinh ngày 15/04/1990; hộ khẩu thường trú cùng với địa chỉ trụ sở Công ty là số Tp. Hà Nội và một con dấu chức danh "Giám đốc Lê Văn M".

Sau đó, Trần Đình V gặp và thuê Nguyễn Văn C để giúp V thực hiện các thủ tục Hải quan nhập khẩu cho Công ty T và thỏa thuận trả lương cho C là 15.000.000đ/l tháng. Khi thuê C, V có cho C biết mặt hàng nhập khẩu là thiết bị điện tử, có cả điện thoại di động, C nói: nếu nhập khẩu điện thoại di động thì thủ tục Hải quan sẽ phức tạp hơn vì cần giấy phép chuyên ngành thì V trả lời đã lo liệu hết rồi, cứ yên tâm làm theo chỉ đạo của V là được. Ngày 19/09/2017, V đưa C từ Hà Nội và Đà Nẵng thuê phòng 303 khách sạn M, địa chỉ tại Tp. Đà Nẵng làm chỗ ở cho C. V đưa hồ sơ pháp nhân, con dấu của công ty, con dấu giám đốc

Lê Văn M và một số giấy giới thiệu của Công ty T cho C để C giúp V trực tiếp thực hiện các thủ tục Hải quan nhập khẩu.

Về đầu mỗi bán điện thoại tại Hồng Kông, thông qua một số người kinh doanh điện thoại di động tại Hà Nội giới thiệu, Trần Đình V biết được thông tin về một người phụ nữ tên X (không rõ tên, lai lịch), chỉ biết X quê gốc tại thành phố Hải Phòng, hiện đang cư trú tại Hồng Kông và sử dụng điện thoại +85291898385. X thường mua điện thoại di động nhãn hiệu Iphone từ các cửa hàng được hãng Apple ủy quyền tại Hồng Kông rồi bán lại cho một số người kinh doanh sỉ điện thoại tại Việt Nam. V đã trực tiếp liên hệ với X để thỏa thuận việc mua bán điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, cách thức thanh toán, cách thức vận chuyển và nhập khẩu về Việt Nam qua Cửa khẩu Sân bay Quốc tế Đà Nẵng. Sau khi hai bên thống nhất số lượng, chủng loại (model), giá cả mua bán, X cho V thông tin số tài khoản của một người tên Đỗ Hữu Q mở tại Ngân hàng V (số tài khoản: 0031000289942) và tại Ngân hàng S (số tài khoản: 030035952299) để V chuyển tiền mua điện thoại vào các tài khoản này hoặc X cho người trực tiếp đến nhà V để lấy tiền mua điện thoại. Tiếp đó, V gửi thông tin của Công ty T để X tìm doanh nghiệp tại Hồng Kông xuất hóa đơn (Invoice) và liên hệ hãng hàng không để đơn vị vận chuyển lập vận đơn (Air Waybill). Tuy nhiên, V yêu cầu bên bán phải ghi thông tin hàng hóa trên hóa đơn và vận đơn là Bộ lưu điện UPS với mục đích trốn thuế giá trị gia tăng (vì Bộ lưu điện UPS có giá trị thấp hơn so với điện thoại di động nên thuế giá trị gia tăng khi nhập khẩu cũng thấp hơn). Sau khi nhận được hình ảnh vận đơn và hóa đơn của lô hàng từ X, V gửi lại cho Nguyễn Văn C và chỉ đạo C sử dụng tư cách pháp nhân của Công ty T thực hiện các thủ tục khai hải quan nhập khẩu. Mặc dù, trước khi làm thủ tục C được V cho biết thực tế hàng nhập về là điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, không đúng theo thông tin hàng hóa trên hồ sơ nhập khẩu (Bộ lưu điện UPS) nhưng C vẫn thực hiện việc mở tờ khai hải quan với thông tin là Bộ lưu điện UPS. Đồng thời, C giả chữ ký của Lê Văn M - Giám đốc Công ty T, đóng dấu của Công ty T trên hồ sơ nhập khẩu, giấy giới thiệu (do C soạn rồi in ra) để trực tiếp liên hệ Chi cục Hải Quan cửa khẩu Sân bay Quốc tế Đà Nẵng thực hiện các thủ tục nhập khẩu cho Công ty T.

Với thủ đoạn như trên, vào ngày 29/9/2017, thực hiện chỉ đạo của Trần Đình V, Nguyễn Văn C thực hiện mở tờ khai hải quan nhập khẩu cho Công ty T với thông tin hàng hóa nhập khẩu là Bộ lưu điện UPS SANTAK TWINGUARD OFFLINE 500VA - MODEL TG500, số lượng 40 bộ, qua cửa khẩu Sân bay Quốc tế Đà Nẵng. Tuy nhiên, sau khi lô hàng được thông quan, C vừa đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan thì bị lực lượng chức năng Công an thành phố Đà

Năng phát hiện bắt giữ, tiến hành kiểm tra và xác định thực tế hàng hóa Công ty T nhập về là 200 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus.

Kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự Đà Nẵng xác định: 200 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus mà Trần Đình V và Nguyễn Văn C buôn lậu về Việt Nam qua cửa khẩu Sân bay Quốc tế Đà Nẵng bị bắt quả tang ngày 29/9/2017 có giá trị là 3.198.000.000 đồng (Ba tỷ, một trăm chín mươi tám ngàn đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an TP Đà Nẵng đã căn cứ Điều 75 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (Nay là Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015) và Điều 2 Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 quy định về hàng hóa mau hỏng, mất giá trị tiến hành xử lý vật chứng bán đấu giá 200 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus nói trên được số tiền 1.652.000.000 đồng (việc xử lý vật chứng được sự đồng ý của bị can Trần Đình V).

Tang vật tạm giữ gồm:

Thu giữ của Trần Đình V gồm:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S8 Plus màu bạc, số IMEI 354359082689805/01; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus 64GB, màu vàng, số IMEI 356715080663571 và số tiền 315.000.000 đồng.

Thu giữ của Nguyễn Văn C gồm:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; 01 con dấu tròn, 01 USB chữ ký số của Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ T, 01 con dấu chức danh “Giám đốc Lê Văn M”; 01 máy tính xách tay hiệu Dell; 01 căn cước công dân tên Nguyễn Văn C.

Tại bản cáo trạng số 16/2018/VKS-CT-P3 ngày 19/06/2018, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng đã truy tố Trần Đình V và Nguyễn Văn C về tội “Buôn lậu” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HS-ST ngày 09/01/2019, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Đình V, Nguyễn Văn C phạm tội “Buôn lậu”.

Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt: Trần Đình V **08 (Tám)** năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2017.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Trần Đình V 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt: Nguyễn Văn C **06 (Sáu)** năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2017.

Về số tiền 315.000.000 đồng thu giữ của Trần Đình V, án sơ thẩm tuyên trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án phạt tiền bổ sung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý các vật chứng khác, biện pháp tư pháp; về kiến nghị; về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/01/2019, bị cáo Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/01/2019, bị cáo Trần Đình V có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Đình V đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo và thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội. Các bị cáo đã thấy sai trái, ăn năn hối cải, xin xem xét giảm nhẹ.

Luật sư Phạm X Tích bào chữa cho bị cáo Trần Đình V vắng mặt tại phiên tòa do bị ốm nhưng bị cáo đề nghị HĐXX vẫn tiến hành xét xử. Luật sư Nguyễn Tiến Tuấn bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C thống nhất về tội danh, điều luật mà bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo. Tuy nhiên, luật sư cho rằng: Mức án sơ thẩm xử phạt các bị cáo là có phần nghiêm khắc. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà án sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo thì tại giai đoạn sơ thẩm bị cáo V đã tác động gia đình nộp 50 triệu đồng tiền phạt bổ sung; gia đình bị cáo C cung cấp giấy tờ chứng minh gia đình bị cáo có công với Cách mạng. Cả hai bị cáo đều đã nộp án phí sơ thẩm. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng, để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa cho rằng: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Đình V về tội “Buôn lậu” theo khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự là đúng tội danh. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa còn một số vấn đề chưa được điều tra làm rõ, có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội và người phạm tội. Quá trình điều tra chưa xác minh làm rõ một số căn cứ chứng minh tội phạm và các tình tiết liên quan là điều tra chưa đầy đủ, cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ

điểm c khoản 1 Điều 356; điểm a, b khoản 1 Điều 358 BLTTHS tuyên hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại làm rõ một số vấn đề sau đây :

- Ngoài lần phạm tội vào ngày 29/9/2017, thì vào các ngày 21, 22, 26, và 28/9/2017 Công ty TNHH T đã nhập về 04 lô hàng khác nhưng chưa được điều tra làm rõ để xử lý triệt để.

- Lê Viết Thắng (nhân viên hải quan) là người được phân công trực tiếp kiểm tra hàng hóa trong 03 lần trên. Nhưng Thắng không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao có dấu hiệu đồng phạm hiệu giúp sức cho Công ty TNHH T.

- Lời khai của C và V là phù hợp với nhau về việc có đưa tiền cho Lê Nho P (là Chi Cục Phó Chi cục Hải quan sân bay Đà Nẵng) theo thỏa thuận nhưng không xem xét trách nhiệm đối với Lê Nho P là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

- Cần làm rõ vai trò liên quan của Phạm Văn Hiến (đang công tác tại Phòng Cảnh sát Kinh tế, Công an Hà Nội) có góp với V 01 tỷ đồng và thỏa thuận bán chia đôi lợi nhuận.

- Đối Lê Văn M, người đại diện theo pháp luật với tư cách giám đốc Công ty TNHH T, là người đứng tên đại diện theo pháp luật hưởng lợi với mức tiền là 20.000.000 đồng. Cần tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Lê Văn M để xử lý.

- Cơ quan điều tra cũng chưa tiến hành thu thập đầy đủ các hình ảnh soi chiếu an ninh tại sân bay Đà Nẵng đối với 05 lô hàng do Công ty TNHH T nhập về để làm căn cứ xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đình V đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Căn cứ khoản 1 điểm a Điều 351 BLHS, Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử theo đúng qui định của pháp luật.

[2] Xét lời khai nhận tội của Trần Đình V, Nguyễn Văn C tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Với ý định nhập khẩu lậu điện thoại di động hiệu Iphone các loại từ Hồng Kông, Trung Quốc về Việt Nam tiêu thụ để kiếm lời, bị cáo Trần Đình V đã thuê người làm thủ tục để thành lập Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ T có chức năng thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu các thiết bị điện tử và được Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội cấp giấy phép, nhưng thực chất công ty

này giả người đại diện theo pháp luật là Lê Văn M và địa chỉ Công ty. Sau khi thành lập được Công ty, V thuê Nguyễn Văn C dùng tư cách pháp nhân Công ty T thực hiện các thủ tục nhập khẩu lô hàng điện thoại di động Iphone các loại từ Hồng Kông, Trung Quốc về Việt Nam thông qua cửa khẩu quốc tế Đà Nẵng. Nhằm trốn thuế và dễ dàng thông quan, V đã yêu cầu bên bán ghi mặt hàng mua bán là các bộ lưu điện UPS nhưng thực chất bên trong các kiện hàng đều là điện thoại di động Iphone các loại. Nguyễn Văn C mặc dù biết rõ mục đích của bị cáo V cũng như biết rõ hàng hóa buôn bán qua biên giới là điện thoại di động Iphone chứ không phải là bộ lưu điện UPS như ghi trên các chứng từ mua bán và chứng từ nhập khẩu, nhưng bị cáo vẫn đồng ý giúp sức cho V lập các thủ tục, giấy tờ nhập khẩu lậu lô hàng 200 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone với tổng trị giá 3.198.000.000 đồng từ Hồng Kông, Trung Quốc về Việt Nam qua cửa khẩu sân bay Quốc tế Đà Nẵng thì bị bắt quả tang.

Với hành vi nêu trên tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo Trần Đình V, Nguyễn Văn C về tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các Trần Đình V, Nguyễn Văn C thì thấy:

Nhằm trốn thuế để thu lợi bất chính, các bị cáo đã thực hiện hành vi buôn lậu lô hàng với giá trị lớn, trên 03 tỷ đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự quản lý về kinh tế trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu hàng hóa của Nhà nước, gây thất thoát tiền thuế phải nộp cho Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư và hoạt động kinh doanh lành mạnh của các thương nhân. Do đó, đối với các bị cáo cần xử phạt thỏa đáng để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, cha mẹ già yếu. Bị cáo V có 02 con còn nhỏ, gia đình bị cáo có công với Cách mạng; Bị cáo C là đồng phạm giúp sức làm công ăn lương, không được bàn bạc, ăn chia lợi nhuận, sau khi bị bắt quả tang, bị cáo đã khai báo ra đồng phạm là bị cáo V giúp cơ quan điều tra nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án. Hậu quả của vụ án đã được ngăn chặn, toàn bộ lô hàng nhập lậu đã bị thu hồi, bán đấu giá nộp ngân sách nhà nước 1.652.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo V và điểm s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự cho bị cáo C được hưởng, xử phạt bị cáo V 08 năm tù và phạt tiền bổ sung 50 triệu đồng. Tuy nhiên, bị cáo V tác động gia đình nộp tiền phạt bổ sung 50 triệu đồng vào ngày 19-4-2019 tại 02

biên lai thu số 0000699 và 0000551 của Cục thi hành án thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bị cáo C và bị cáo V đều đã nộp xong án phí Hình sự sơ thẩm. Dù không phải là tiền khắc phục hậu quả nhưng các bị cáo đều thể hiện thái độ tích cực, biết ăn năn hối cải, nhận thức được lỗi lầm. Ngoài ra, theo các tài liệu tại cơ quan điều tra (BL 904), bị cáo V chủ động từ Hà Nội vào Đà Nẵng để trình diện, trên đường đi thì bị bắt. Ngay tại buổi làm việc đầu tiên bị cáo V đã tự giác khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra sớm kết thúc vụ án nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng điểm t là thiếu sót. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t Điều 51 BLHS. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh tại giai đoạn phúc thẩm nên cần chấp nhận kháng cáo, giảm cho bị cáo V một phần hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn C, sau khi xử sơ thẩm gia đình bị cáo C cung cấp giấy tờ chứng minh gia đình bị cáo có chú ruột Nguyễn Văn Thái là liệt sỹ đã hy sinh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bố của bị cáo đã về hưu già yếu, điều kiện hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Dù áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm t Điều 51 BLHS nhưng cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt: Nguyễn Văn C 06 (Sáu) năm tù là rất nhẹ. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo đối với bị cáo C.

[3] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành trả hồ sơ để điều tra bổ sung những vấn đề như Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đưa ra tại phiên tòa hôm nay nhưng cơ quan điều tra không khởi tố, Viện kiểm sát không truy tố nên cấp sơ thẩm đã kiến nghị các vấn đề nêu tại bản án. Do đó để đảm bảo tính ổn định của bản án, cấp phúc thẩm không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc hủy án sơ thẩm, mà chỉ cần kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét kháng nghị theo trình tự giám đốc là đúng trình tự của pháp luật.

[4] Đối với số tiền 315.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Đình V, tại bản án sơ thẩm đã tuyên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án phạt tiền bổ sung. Sau khi xử sơ thẩm, bị cáo V đã tác động gia đình nộp 50 triệu đồng thi hành phần phạt tiền bổ sung. Do bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án phạt tiền bổ sung, nên số tiền này cần trả lại cho bị cáo.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng

ngợi.

[6] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo đã nộp xong;

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Trần Đình V, được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đình V, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

1.1. Căn cứ: điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 188; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Trần Đình V 07 (bảy) năm tù về tội “Buôn lậu”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2017.

1.2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: **Nguyễn Văn C** 06 (sáu) năm tù về tội “Buôn lậu”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 46 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Trả lại cho bị cáo Trần Đình V số tiền 315.000.000 đồng (*Hiện số tiền này đang được tạm giữ tại tài khoản số 3941.0.01012230.00000 của Sở tài chính, mở tại Kho bạc Nhà nước TP. Đà Nẵng*).

3. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Trần Đình V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn